

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2022

"V/v ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Kim Huyền - Cán bộ Phòng Lao động Th
binh và xã hội huyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát
viên

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2021/TLST - HNGĐ ngày 17/11/2021 về việc ly
hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXX-
HNGĐ ngày 24/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày
10/01/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm 1994 (có đơn đề nghị xét xử vắng
mặt)

- *Bị đơn:* Anh Giang Duy D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan:

Cháu Giang Trần Th Th, sinh ngày 22/10/2016

Người đại diện hợp pháp của cháu Th: Chị Th – Mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: Nhuệ Giang, Đào D, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 và lời khai của chị Th trình bày chị và anh
Giang quen biết nhau do có người giới thiệu, sau một thời gian tìm hiểu thống nhất về
báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và tổ chức cưới cho anh, chị, anh chị có
đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào D vào ngày 26/02/2013. Sau khi cưới chị về ngay

gia đình anh D chung sống, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng vài tháng thì ra ở riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khoảng 01 năm sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D chơi bời, không chịu làm ăn, còn đánh vào ma túy, không quan tâm đến vợ con, chị và gia đình đã cho anh D đi cai nghiện nhưng không được. Vợ chồng xảy ra cãi nhau nên chị về nhà bố mẹ để ở từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân nhau vợ chồng đã nói chuyện để hàn gắn nhưng anh D vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị làm đơn xin ly hôn anh D.

Về con chung: Có 01 con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Tám (mẹ đẻ của anh D) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị Th, anh D vào năm 2013, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào D. Sau khi thành vợ chồng chị Th về ngay gia đình bà chung sống. Sau đó anh chị ra ăn, ở riêng. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn hay không bà không rõ vì bà không sống chung, hơn nữa thời điểm đó bà đi chợ không có nhà, đến khi chị Th sinh con gọi bà về, sau khi chị Th đẻ con xong chị Th về nhà bà ở được khoảng 1 tháng thì chị Th xin về nhà bố mẹ để ở từ đó đến nay, đến tết hoặc có công việc gì chị Th mới về. Mỗi lần chị Th về bà đều nói chuyện với vợ chồng anh chị để anh chị về ở với nhau nhưng không có kết quả. Nay chị Th xin ly hôn anh D, việc vợ chồng anh D, chị Th có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh D, chị Th

Về con chung: Anh D, chị Th có 01 con chung là Giang Trần Th Th, sinh năm 2016.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn Đích (bố đẻ của chị Th) trình bày: Anh D, chị Th quen biết nhau, sau đó về báo cáo hai gia đình, hai gia đình nói chuyện và thống nhất ngày tổ chức cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào D vào năm 2013. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống. Quá trình chung sống ông thấy anh chị chung sống bình thường. Đến năm 2016, khi chị Th sinh con được khoảng 03 tháng thì chị Th và con về nhà ông ở, ông nghĩ chị Th về chơi, khoảng hơn 1 tháng chị Th không về, ông hỏi thì chị bảo vợ chồng mâu thuẫn, anh D nghiện ma túy, không chịu làm ăn, đã khuyên nhưng anh D không thay đổi. Khi chị Th về nhà tôi, thỉnh thoảng anh D có đến, anh D có nói chuyện muốn đón mẹ con chị Th về nhưng chị Th không về, về phía gia đình anh D thì bà Tám có đến thăm cháu, gia đình hai bên nói chuyện và hòa giải anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị Th ly hôn, đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn vì anh D, chị Th ở với nhau không có hạnh phúc.

Về con chung: Anh D, chị Th có 01 con chung là Giang Trần Th Th, sinh năm 2016.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Đào D: Chị Th, anh D là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào D vào ngày 26/02/2013 tại số 20. Quá trình chị Th, anh Giang chung sống với nhau có mâu thuẫn hay không UBND xã không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng chị Th, anh D có 01 con chung là Giang Trần Th Th, sinh ngày 22/10/2016.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 10/01/2022: Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn anh D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 21/01/2022: Chị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định tại điều 48; 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã triệu tập nhưng đều vắng mặt không lý do đã vi phạm điều 70, 72 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 điều 228, điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Th.

- Về con chung: Giao cháu Giang Trần Th Th, sinh ngày 22/10/2016 cho cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh D không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: Chị Th phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và quan điểm của đại diện VKSND huyện, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào D vào ngày 26/02/2013. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh D là hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh D có ĐKKHTT tại Nhuệ Giang, Đào D, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th xác định vợ chồng chung sống với nhau khoảng 1 năm sau thì mâu thuẫn nguyên nhân là một phần vợ chồng tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh D nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên sau khi sinh con được khoảng 3 tháng chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh D đến trụ sở Tòa án để tiến hành phân tích hòa giải để anh chị về đoàn tụ nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, anh D biết nhưng anh đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể hoà giải đoàn tụ vợ chồng cho anh chị được. Như vậy thể hiện anh D không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị Th nữa, qua lời khai của bà Tám (mẹ anh D) hiện nay anh D đang làm cho cháu gái của bà, do dịch Covid nên anh D không về, trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân nhau anh D, chị Th cùng hai gia đình đã tìm cách để vợ chồng anh chị về ở với nhau nhưng chị Th vẫn kiên quyết ly hôn, chị Th, anh D ly thân nhau đã lâu phù hợp với lời khai của bà Tám, ông Đích, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị Th, anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh D, chị Th không còn Th yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh D, chị Th có 01 con chung là Giang Trần Th Th, sinh ngày 22/10/2016. Nay ly hôn chị Th có nguyện vọng được nuôi con chung. Còn về phía anh D do anh D không đến Tòa nên trong hồ sơ không thể hiện nguyện vọng của anh D. Xét nguyện vọng của chị Th là phù hợp với thực tế vì hiện nay con chung đang ở với chị Th từ nhỏ, cháu Th lại là con gái, để tránh việc xáo trộn trong học tập, sinh hoạt của cháu, HĐXX xét thấy cần giao cháu Th cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là đảm bảo mọi mặt cho con chung. Về cấp dưỡng chị Th không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì hiện nay chị Th làm công ty lương hàng tháng là 8.000.000 đồng (bảng lương tháng 08,9,10,11/2021), yêu cầu của chị là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh D, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Th được ly hôn anh Giang Duy D

2- Về con chung: Giao cháu Giang Trần Th Th, sinh ngày 22/10/2016 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4 - Về án phí : Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003026 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Th đã nộp đủ án phí.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th, anh D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-Phòng GDKT và THA tỉnh;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Đào D, Ân Thi;
-Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Lương Hồng

